

Bản án số: 59/2022/DS-ST
Ngày: 22-12-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng X; Địa chỉ trụ sở chính: Số 169, Phố L, phường H, quận H, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Trọng T, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X. (*Xin vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 và bà Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh L. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng X do ông Huỳnh Trọng T đại diện theo ủy quyền trình bày tóm tắt như sau:

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Hồng Đ có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng X các khoản gồm:

- Ngày 07/4/2018, ông Nguyễn Văn C là người đứng tên vay vốn chương trình cho vay hộ cận nghèo theo mã món vay số 6600000712459470, số tiền 50.000.000đ, lãi suất 7,92%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/4/2023. Tính đến ngày 22/12/2022 thì khoản nợ gốc phân kỳ quá hạn mà ông C chưa trả là 40.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 7.808.843đ.

- Ngày 07/12/2018, ông Nguyễn Văn C là người đứng tên vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo mã món vay số 66000007141179511, số tiền 10.000.000đ, lãi suất 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/12/2023. Tính đến ngày 22/12/2022 thì khoản nợ gốc phân kỳ quá hạn mà ông C chưa trả là 7.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 1.554.101đ.

- Ngày 07/11/2020, ông Nguyễn Văn C là người đứng tên vay vốn chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo mã món vay số 6600000719131564, số tiền 6.000.000đ, lãi suất 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/11/2025. Tính đến ngày 22/12/2022 thì khoản nợ gốc phân kỳ quá hạn mà ông C chưa trả là 1.800.000đ, tiền lãi trong hạn là 338.585đ.

Do ông C, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ phân kỳ theo thỏa thuận, nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà Đ liên đới trách nhiệm trả nợ cho 03 khoản vay theo các hợp đồng nêu trên tính đến ngày 22/12/2022 là 58.501.529đ, trong đó nợ gốc là 48.800.000đ, nợ lãi là 9.701.529đ và ông C, bà Đ còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi nào trả hết nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

- Bị đơn Nguyễn Văn C, Phạm Thị Hồng Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện Tòa án đã thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, ông C, bà Đ không tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có bất kỳ văn bản nào gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do phía bị đơn vắng mặt, nên Tòa án chỉ thực hiện việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tổ chức hòa giải. Sau đó, phía nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy ủy quyền ngày 29/3/2018 của bà Đ cho ông C đại diện hộ gia đình; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 29/3/2018 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 07/4/2018 có dấu tay điểm chỉ của ông C; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/12/2018 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 07/12/2018 có dấu tay điểm chỉ của ông C; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/11/2020 và Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 07/11/2020 có dấu tay điểm chỉ của ông C và sự không phản đối của phía bị đơn. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn về việc ông C, bà Đ có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng X 03 khoản vay và tính đến ngày 22/12/2022 thì ông C, bà Đ còn nợ lại ngân hàng số tiền 58.501.529đ, trong đó nợ gốc là 48.800.000đ, nợ lãi là 9.701.529đ là sự thật. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[2.2] Đến hạn trả nợ, bên vay là ông C, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng vay, vi phạm quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu ông C, bà Đ liên đới trách nhiệm trả các khoản nợ theo 03 hợp đồng nêu trên tính đến ngày 22/12/2022 là 58.501.529đ, trong đó nợ gốc là 48.800.000đ, nợ lãi là 9.701.529đ cũng như việc ông C, bà Đ còn phải tiếp tục trả lãi cho đến khi nào trả hết nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn là ông C, bà Đ phải liên đới trách nhiệm chịu án phí là 2.925.076đ. Ngân hàng X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Hồng Đ liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng X (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng X) các khoản tiền sau:

+ Khoản nợ theo chương trình cho vay hộ cận nghèo theo mã món vay số 6600000712459470 ngày 07/4/2018 gồm: nợ gốc phân kỳ quá hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 40.000.000đ, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 7.808.843đ.

+ Khoản nợ theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo mã món vay số 66000007141179511 ngày 07/12/2018 gồm: nợ

gốc phân kỳ quá hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 7.000.000đ, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 1.554.101đ.

+ Khoản nợ theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo mã món vay số 6600000719131564 ngày 07/11/2020 gồm: nợ gốc phân kỳ quá hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 1.800.000đ, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 22/12/2022 là 338.585đ.

Tổng cộng các khoản nợ gốc, lãi ông C, bà Đ phải trả cho Ngân hàng X tính đến ngày 22/12/2022 là 58.501.529đ.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/12/2022) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án là ông C, bà Đ còn phải liên đới trách nhiệm trả tiếp cho bên được thi hành án là Ngân hàng X khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc chậm thi hành án, theo mức lãi suất tương ứng đã thỏa thuận trong các hợp đồng vay số 6600000712459470 ngày 07/4/2018, 66000007141179511 ngày 07/12/2018, số 6600000719131564 ngày 07/11/2020.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị Hồng Đ liên đới trách nhiệm nộp 2.925.076đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Ngân hàng X không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh